

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Lương Bằng năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 30/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về Chuyển đổi số huyện Chợ Đồn năm 2024.

Ủy ban nhân dân xã Lương Bằng xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn xã cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Nghị quyết số 428-NQ/BCSD ngày 22/9/2022 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh Bắc Kạn về thúc đẩy hoạt động phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021- 2025;

- Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về đào tạo, bồi dưỡng ATTT cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 07/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Đề án đảm bảo hạ tầng ngành thông tin và truyền thông tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 -2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 278/KH-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 883/KH-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2024;

- Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về việc triển khai Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Chợ Đồn;

Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 30/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về Chuyển đổi số huyện Chợ Đồn năm 2024;

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

- Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng dùng chung (*bao gồm: Hạ tầng kỹ thuật, các nền tảng, phần mềm dùng chung, an toàn thông tin*) để đảm bảo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu của các đơn vị, địa phương trong huyện và kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với huyện, tỉnh và các Bộ ngành Trung ương.

- Phát triển dữ liệu số; nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải cách hành chính; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động du lịch; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước; chuyển đổi nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số và từng bước hình thành công dân số, xã hội số của xã gắn với công tác đảm bảo an toàn thông tin trong chuyển đổi số.

2. Mục tiêu cụ thể: Theo Phụ lục 01 của Kế hoạch này.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Chuyển đổi số trong nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về chuyển đổi số. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai hoạt động chuyển đổi số; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện, của xã; lấy kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số làm tiêu chí để đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và bình xét thi đua - khen thưởng hằng năm.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi số để tiếp tục nâng cao nhận thức cho người dân về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả công tác, chất lượng đời sống nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong triển khai thực hiện; chú trọng việc chia sẻ các cách làm hay trong chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, các địa phương khác trong, ngoài tỉnh và trong huyện để áp dụng khi phù

hợp; phát hiện, tôn vinh, phổ biến các câu chuyện, bài học, mô hình chuyển đổi số hay.

- Thúc đẩy các hoạt động đào tạo, tập huấn, học tập nghiêm túc trên nền tảng học trực tuyến đại trà để nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp.

2. Thể chế, chính sách:

- Tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành tạo hành lang pháp lý thuận lợi để phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã.

- Nghiên cứu huy động nguồn lực doanh nghiệp thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số CNTT trên địa bàn xã phát triển.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT, viễn thông; khuyến khích, sẵn sàng thử nghiệm các ứng dụng CNTT, các mô hình quản lý, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai cung cấp dữ liệu mở lần đầu của các ngành, lĩnh vực phục vụ các ngành, lĩnh vực khác, các doanh nghiệp để đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội.

3. Hoàn thiện đảm bảo hạ tầng số:

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan Nhà nước: trang thiết bị CNTT; hạ tầng mạng LAN; mạng Internet tốc độ cao để sẵn sàng kết nối mạng diện rộng (WAN) của tỉnh; duy trì, nâng cấp hệ thống truyền hình trực tuyến các cấp đảm bảo phục vụ tốt cho công tác họp trực tuyến.

- Tiếp tục vận động, triển khai chương trình phổ cập điện thoại thông minh cho người dân để tiến tới mục tiêu: Mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng.

- Đề nghị với các doanh nghiệp viễn thông nghiên cứu, triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng đường truyền, dịch vụ mạng; từng bước phủ sóng, giảm tình trạng lùm sóng, sóng không ổn định nhất là tại các thôn xa trung tâm xã.

4. Đảm bảo an toàn thông tin mạng

- Tiếp tục việc xây dựng và đề nghị phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ hệ thống thông tin của xã; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt, xong trước ngày 30/11/2024.

- Duy trì và đảm bảo các trang/cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

5. Chính quyền số:

- Nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến: đánh giá và mở rộng các mô hình giải quyết TTHC không giấy tờ, không thanh toán tiền mặt.
- Tiếp tục thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính cho tổ chức và công dân trên địa bàn xã.
- Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát, quản lý thông qua việc theo dõi, đánh giá dữ liệu từ các hệ thống thông tin, CSDL đã triển khai.

6. Kinh tế số:

- Thúc đẩy, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số tham gia hoạt động trên địa bàn xã.
- Thúc đẩy chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên theo Quyết định số 676/QĐ-UBND của UBND tỉnh.
- Tiếp tục triển khai các hoạt động tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng dẫn của các Sở ngành tỉnh.

7. Xã hội số:

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn thanh niên trong tuyên truyền, hỗ trợ người dân sử dụng các ứng dụng số cơ bản, thiết thực hiện nay như: Thúc đẩy người dân thiết lập tài khoản VneID, đặc biệt là định danh điện tử mức độ 2; cài đặt tài khoản DVCTT và tài khoản thanh toán trực tuyến...
- Tiếp tục phối hợp với các đoàn thể triển khai các hoạt động tuyên truyền, nâng cao kỹ năng số cho người dân.
- Tiếp tục thu hút sự tham gia đồng bộ của các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, ngân hàng vào các hoạt động triển khai các ứng dụng số thiết thực, phù hợp cho người dân.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số chi từ nguồn ngân sách địa phương và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số xã:

Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số xã chịu trách nhiệm trước UBND xã, trong việc tham mưu, chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch; nghiên cứu, đề xuất với UBND xã, Chủ tịch UBND xã về chủ trương, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của xã hướng tới chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch và hoạt động chuyển đổi số của xã.

2. Công chức Văn hoá và Thông tin:

- Chủ động phối hợp, hướng dẫn, tư vấn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch; kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Chủ tịch UBND xã xem xét, giải quyết.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của địa phương đảm bảo phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân và cán bộ cấp xã về chính quyền số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

Hướng dẫn thực hiện việc rà soát, đánh giá TTHC, trong đó tập trung vào việc đơn giản hoá TTHC trên cơ sở liên thông điện tử và tái sử dụng dữ liệu để xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm.

4. Công chức Tài chính – kế toán:

- Tham mưu cân đối bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này theo thứ tự ưu tiên, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng ngân sách của xã.

- Phối hợp triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số đảm bảo tiến độ theo quy định.

5. Công an xã:

- Thực hiện việc quản lý, vận hành, cập nhật hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (*Đề án 06*) theo quy định; đảm bảo hoạt động an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình kết nối các Hệ thống của xã với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Hướng dẫn đăng ký, sử dụng ứng dụng định danh và xác thực điện tử và các nhiệm vụ thuộc *Đề án 06* của Chính phủ.

6. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các đoàn thể xã:

- Phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ đoàn viên/hội viên và nhân dân nâng cao nhận thức, kỹ năng số và khai thác các ứng dụng số phù hợp, đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Đề nghị Đoàn thanh niên xã quan tâm phối hợp thúc đẩy triển khai các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ chuyển đổi số; phát huy hiệu quả vai trò của lực lượng đoàn viên thanh niên nông cốt.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số xã Lương Bằng năm 2024. Yêu cầu các ban ngành đoàn thể, cán bộ, công chức xã triển khai thực hiện đúng quy định, hiệu quả./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Phòng VH & TT huyện;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;;
- Các ban, ngành, đoàn thể xã;
- Cán bộ, công chức xã;
- Công an xã

(B/cáo)

Gửi bản giấy:

- 15 thôn bản;
- Lưu: UBND xã.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ma Thế Quốc

Phụ lục 01:
CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ XÃ LƯƠNG BẰNG NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số: _____ /KH-UBND ngày ____/02/2024 của UBND xã Lương Bằng)

STT	Chỉ tiêu chiến lược Chính quyền số	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Chính quyền số		
1.1	Tỷ lệ cung cấp DVCTT được cung cấp thành DVCTT toàn trình	$\geq 80\%$	Số lượng DVCTT toàn trình/Tổng số DVCTT
1.2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	90%	Số lượng DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến/Tổng số DVCTT phát sinh hồ sơ
1.3	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT	100%	Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến toàn trình/Tổng số hồ sơ phát sinh (trực tuyến + trực tiếp) của các DVCTT
	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT	80%	Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần/Tổng số hồ sơ phát sinh (trực tuyến + trực tiếp) của các DVCTT
1.4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được liền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ	30%	Số lượng DVCTT được thiết kế, thiết kế lại/Số lượng DVCTT
1.5	Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	100%	Số lượng hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hoá trên hệ thống phần mềm Một cửa điện tử
1.6	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật (<i>cấp tỉnh, huyện, xã</i>)	100%	Số lượng văn bản gửi đi được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng/Tổng số văn bản đi của đơn vị (<i>trừ văn bản mật</i>)
1.7	Tỷ lệ công tác báo cáo được thực hiện trên Hệ thống báo cáo của tỉnh và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm điều hành thông minh	100%	
1.8	Tỷ lệ hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	20%	
1.9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	80%	Số lượng cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản/Tổng số cán bộ, công chức, xã
1.10	Tỷ lệ cuộc họp của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể (trừ các cuộc họp mật) được tổ chức trực tuyến	80%	
2	Xã hội số		

STT	Chỉ tiêu chiến lược Chính quyền số	Chỉ tiêu	Ghi chú
3.1	Tỷ lệ phủ của hạ tầng mạng băng rộng cáp quang tại các hộ gia đình	76%	Số hộ gia đình sử dụng mạng băng rộng cáp quang/Tổng số hộ gia đình trên địa bàn
3.2	Tỷ lệ thuê bao di động sử dụng điện thoại thông minh	85%	Tỷ lệ người dùng smartphone/người dùng điện thoại di động
3.3	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử	60%	
3.4	Tỷ lệ người dân có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân	98%	
3.5	Trạm y tế công triển khai hồ sơ bệnh án điện tử	20%	
3.6	Tỷ lệ học sinh, sinh viên có hồ sơ số về việc học tập cá nhân	90%	
4	Đảm bảo An toàn thông tin mạng		
4.1	Trang, cổng thông tin điện tử được đánh giá an toàn thông tin và gắn nhãn tín nhiệm mạng	100%	
4.2	Hệ thống thông tin hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	100%	

